

để thay thế vào đó bởi một hệ thống triết lý mang tính chất bản địa của miền nam Champa pha lẫn với yếu tố văn hóa Hồi Giáo kể từ thế kỷ XVII càng làm phong phú thêm cho nền văn minh mới của vương quốc này. Các giai cấp thượng lưu không còn quan tâm đến Ấn Giáo nữa, tức là hệ thống tín ngưỡng quá chú trọng đến các nghi lễ hoàng gia và hình thức tôn thờ cá nhân của giai cấp lãnh đạo, nhưng lại tin vào tục thờ hình tượng thường hay lẫn lộn với các hình thái của tín ngưỡng dân gian địa phương. Các vua chúa Champa thời đó không còn tự phong cho mình là nhân vật xuất thân từ thế giới siêu hình để điều hành một vương quốc như thời Ấn Giáo, mà là một nhà một nhà lãnh đạo thông thường có chức năng quản lý quốc gia. Họ không còn sử dụng tên và họ của vua chúa viết theo Phạn ngữ nữa và không còn ra lệnh khắc tượng của họ với bao phong cách trang điểm mang yếu tố Ấn Giáo nữa. Hay nói một cách khác, vua chúa Champa sau thế kỷ thứ XVII chỉ là một người phàm tục như những người công dân khác. Nhưng điều đó không ngăn cản họ tiếp thu những di sản tinh thần từ xưa mà các vua chúa Champa miền nam đã để lại cho họ.

Tình hình vào cuối thế kỷ XVI và XVII

Từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII, các tin tức mà biên niên sử Việt Nam cung cấp về vương quốc

Vương quốc Champa

Champa, tức là Chiêm Thành, rất hiếm hoi, vì các tư liệu này chỉ chú tâm đến cuộc nội chiến của Đại Việt, hết nhà hậu Lê chống nhà Mạc đến cuộc gây chiến của chúa Trịnh ở miền bắc chống lại chúa Nguyễn ở miền nam. Các thông tin do các nhà thương thuyền Tây Phương cung cấp về Champa cũng không đáng kể. Thêm vào đó, các biên niên sử viết bằng chữ Chăm nói đến Champa cho đến cuối thế kỷ XVII không còn chứa đựng những dữ kiện chính xác cho lắm, nhất là vị trí địa dư và niên đại của biến cố. Mãi cho đến sau thế kỷ thứ XVII, những tài liệu viết bằng tiếng Chăm trở thành một kho tàng sử liệu quý giá và đáng tin cậy hơn (P-B. Lafont, « Pour une rehabilitation des chroniques rédigées en cam moderne », trong *BEFEO* LXVIII, 1980, trg. 105-111).

Các nguồn tư liệu vừa nêu ra, mặc dù không phong phú cho lắm, nhưng đã giúp cho người ta biết rằng vào năm 1578, lợi dụng tình trạng nội chiến của nước láng giềng ở miền bắc, Champa xua quân chiếm lại thành cũ nằm trong vùng Tuy Hòa (Phú Yên). Theo ký sự của người Hòa Lan kể lại, một vị vua Champa mà họ không nêu ra danh tánh, đã gửi một đội binh đến giúp vua của tiểu vương quốc Johor (Mã Lai) vào năm 1594 để chống lại người Bồ Đào Nha. Ngoài ra, những thương thuyền Tây Ban Nha đến Nam Vang vào năm 1596 cũng nhắc đến những người Chăm phục vụ trong triều đình của vua Campuchia và còn cho biết vào năm 1602 vua Champa,

dường như là Po Klaong Halau, đã gửi một phái bộ sang triều đình của nhà Nguyễn. Cũng theo tài liệu này, vào năm 1603, người con trai của Po Klaong Halau tên là Po Nit đã đặt thủ đô Champa tại vùng Phan Rang mà các nguồn tư liệu của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã từng xác nhận. Cuối cùng, các biên niên sử hoàng gia Campuchia cũng không quên ghi rằng dưới thời vua Paramaraja VII tức là giữa năm 1602 và 1619, hoàng tử Jayajettha đã thu hồi lại các tỉnh Baria và Daung Nay, tức là vùng Biên Hòa hiện tại, mà Champa đã chiếm đóng vào đầu thế kỷ XV.

Cũng vào thời kỳ đó, chúa Nguyễn Hoàng viện cớ Champa thường quấy phá biên giới bên kia sông Đà Rằng (Phú Yên) để xua quân chiếm đất đai Champa nằm giữa đèo Cù Mông và núi Đá Bia vào năm 1611 và mở rộng biên giới miền nam của nhà Nguyễn đến đỉnh cao của ngọn núi này. Kể từ đó, Nguyễn Hoàng và người kế vị là Nguyễn Phúc Nguyên bắt đầu áp dụng chính sách di dân vào lãnh thổ Champa bị chiếm đóng vào năm 1611. Họ là nhóm quân điền (vừa làm lính phòng thủ lãnh thổ vừa làm nghề nông), tập thể dân cư người Kinh bị lưu đầy, nhất là những người phạm tội. Theo lời kể của linh mục A. de Rhodes, người Chăm trong khu vực bị chiếm đóng không bao giờ muốn phục tùng chính quyền mới của nhà Nguyễn. Lợi dụng tình hình căng thẳng kể từ năm 1620 giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn kéo theo sự ly khai của

Vương quốc Champa

nhà Nguyễn để thành lập một vương quốc riêng, người Chăm khởi sự những cuộc vùng dậy một cách thường trực trong khu vực Phú Yên kể từ năm 1620 nhằm chống lại triều đình nhà Nguyễn và dân cư người Kinh. Mặc dù Nguyễn Phúc Nguyên đã biến khu vực Phú Yên của Champa thành một đơn vị hành chính của mình vào năm 1629, nhưng điều đó không ngăn chặn được sự phản đối của người Chăm, buộc nhà Nguyễn phải duy trì một cách thường trực quân đội của họ tại biên giới miền nam trong suốt 25 năm trường.

Kể từ thế kỷ XV, Champa vốn là quốc gia nằm trên địa cầu kinh tế đặt dưới quyền kiểm soát của vương quốc Malacca (Mã Lai). Kể từ đó, Champa không ngừng hội nhập vào mạng lưới thương mại của Mã Lai nối liền các quốc gia nằm trên bờ biển Nam Hải. Điều này đã giải thích cho sự hiện diện của thương thuyền Champa tại tiểu vương quốc Malacca mà biên niên sử Mã Lai (*Sejarah Melayu*) đã từng nhắc đến vào thế kỷ XV và XVI; trên bờ biển của lãnh thổ nhà Nguyễn vào các thời yên bình; tại tiểu vương quốc Pattani (miền bắc Mã Lai); tại cửa Ménam Chao Praya, tức là con sông lớn của Thái Lan mà người Bồ Đào Nha đã ghi lại vào thế kỷ XVI; tại quần đảo Nam Dương và tại tiểu vương quốc Johor (Mã Lai) mà người Hòa Lan thường nói đến vào thế kỷ XVII. Điều đó cũng giải thích cho sự hiện diện một cách thường trực của các

tàu bè Nam Dương và Mã Lai trong hải cảng Malithit (Phan Thiết), Parik (Phan Rí), Panrang (Phan Rang) và Kam-ran (Cam Ranh) của Panduranga, chưa nói đến các tàu bè của Trung Hoa, Nhật Bản (cho đến thời kỳ bế môn tỏa cảng vào năm 1636), của Ả Rập sang buôn bán với Champa. Và kể từ thế kỷ XVI, người Âu Châu cũng thi đua nhau vào thị trường Champa và biến cuộc cạnh tranh thương mại trong khu vực này thành những cuộc tranh chấp về quyền buôn bán với Champa, một quốc gia chuyên sản xuất những món hàng gia vị và xa xỉ phẩm mà thị trường Âu Châu đã đòi hỏi càng ngày càng nhiều. Trong số các loại hàng này, Champa đã cung cấp hàng lượng vàng mà Suma Oriental của T. Pires đã nói đến. Một phần lớn của số lượng vàng này đã được xuất cảng sang Malacca để rồi từ đó được chuyển đi nơi khác. Champa cũng là vương quốc đứng hàng đầu trong ngành cung cấp gỗ hương gọi là gỗ trầm (bois d'aloès) hay Calambac để xuất cảng sang Ấn Độ, Ả Rập, Âu Châu và Trung Hoa, chưa nói đến gỗ bạch đàn (bois de santal), ngà voi, các loại da thú dữ và sừng tê giác. Cho đến giữa thế kỷ XVII, nền thương mại này phát triển nhanh chóng đã đem lại nguồn lợi nhuận quan trọng cho triều đình Champa. Chính vì thế, vương quốc này đã biến ngành nghề buôn bán bằng đường biển thành một công ty độc quyền của vua chúa thời đó. Kể từ đó, chính quyền Champa thường có chính sách bảo vệ các thương thuyền

Vương quốc Champa

nước ngoài có mối liên hệ trực tiếp với triều đình. Thí dụ điển hình nhất đó là vua Champa, có thể là vua Po Ramé (1627-1651), đã chấp thuận vào năm 1644 cho các thương thuyền người Hòa Lan được phép buôn bán với Champa, với điều kiện là không được tấn công các thương thuyền người Bồ Đào Nha trong các hải cảng của quốc gia này.

Phải công nhận rằng tình hình kinh tế của Champa phát triển rất thuận lợi cho đến 1653, năm mà biên niên sử Việt Nam cho rằng vua Champa tên là Bà Thấm, có thể là Po Nraop trong các văn bản Chăm, đã xua quân tấn công Phú Yên. Tiếc rằng không có tài liệu nào nói đến biến cố này. Chính vì thế mà người ta có quyền đưa ra câu nghi vấn về tính xác thực của nó. Ai cũng biết, chúa Nguyễn Phước Tần có một đoàn quân hùng mạnh để đương đầu với chúa Trịnh. Trong suốt thời gian hòa bình khá lâu từ năm 1649 đến năm 1655, nếu nhà Nguyễn không muốn nuôi dưỡng một đoàn quân chỉ biết ăn không ngồi rồi chờ ngày sang miền bắc tấn công chúa Trịnh, thì nhà Nguyễn chỉ còn cách là sử dụng đoàn quân này tràn xuống miền nam để thống trị Champa. Dù trong hoàn cảnh nào đi nữa, Nguyễn Phước Tần không quên đeo đuổi chính sách đế quốc do các bậc tiền nhân của Đại Việt đã khởi xướng, bằng cách tấn công Kauthara vào năm 1653, bắt sống Bà Thấm và xua quân đến tận sông Phan Rang mà ông ta tự ấn định là biên giới miền nam của nhà Nguyễn. Cuộc chiến này đã làm mất thêm phần đất đai của Champa ở

phía bắc mà triều đình Phú Xuân (Huế) đã tức khắc biến thành hai đơn vị hành chính của nhà Nguyễn gọi là Thái Khang và Diên Khánh. Kể từ đó, lãnh thổ của Champa bị thu hẹp lại vào tiểu vương quốc của Panduranga mà tư liệu viết bằng tiếng Chăm gọi là Pangdarang. Thế là sau năm 1653, Champa đã mất đi phân nửa bờ biển của nó với các hải cảng rất tốt có biển sâu cho tàu bè cập bến. Một khi nhà Nguyễn đã nắm quyền kiểm soát tất cả mạng lưới tàu bè đến Champa, các thương thuyền nước ngoài không còn ghé bến Champa nữa, một quốc gia đã từng làm chủ các hải cảng nằm trên bờ biển Nam Hải từ mấy thế kỷ qua. Các thương thuyền này cũng chấm dứt luôn mối liên hệ buôn bán với Champa, một ngành thương mại đã đem lại phần lợi tức khá lớn cho vương quốc này.

Vì nhà Nguyễn không ngăn cấm công dân của họ vượt biên giống như trong quá thời khứ, một số lượng người Kinh rất là đông đảo mà phần đông là những người không có đất đai, nghèo đói, du đãng, tội phạm, tìm cách tràn xuống miền nam, kể từ cuối thế kỷ XVI cho đến thế kỷ XVII, để định cư trong vương quốc Champa và nhất là trong các khu vực thừa thớt dân cư của Campuchia như Barea (Bà Rịa) và Daung Nay (Đồng Nai). Lợi dụng sự hiện diện của dân cư Việt và với lý do là để bảo vệ cho họ, triều đình Phú Xuân (Huế) bắt đầu can thiệp vào nội bộ Campuchia một cách trắng trợn, tạo ra các cuộc nổi dậy bài trừ người Kinh, đã làm lung lay tình hình chính trị

Vương quốc Champa

của vương quốc này. Sau khi làm chủ khu vực hải quan Prei Nokor (Sài Gòn) của Campuchia vào năm 1623, nhà Nguyễn xua quân chiếm Biên Hòa vào năm 1658. Sau biến cố đã đưa đẩy Champa có biên giới chung với lãnh thổ của nhà Nguyễn không những riêng ở phía bắc (tức là Cam Ranh) mà còn ở phía nam nữa, tức là Biên Hòa. Kể từ đó, Champa trở thành một quốc gia hoàn toàn cô lập, không còn cửa biển để liên hệ với Campuchia qua Prei Nokor và đất đai Champa hoàn toàn nằm trong gọng kìm của nhà Nguyễn.

Nếu nhà Nguyễn không muốn xâm chiếm Champa ngay từ lúc ban đầu, bởi vì triều đình Phú Xuân còn quá bận rộn vào việc mở rộng ảnh hưởng của họ trên châu thổ sông Mékong và áp đặt chủ quyền của mình trên vương quốc Campuchia. Thêm vào đó, vương quốc Champa không ngừng triều cống Phú Xuân hằng năm mà giáo sĩ Choisy đã ghi lại trong nhật ký của mình vào năm 1686 (*Journal du voyage de Siam fait en 1685 et 1686 par Monsieur l'abbé de Choisy, Paris, Mabre-Cramoisy, 1687*) và vua chúa Champa đã chấp nhận làm quốc gia chư hầu của nhà Nguyễn. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao nhà Nguyễn không muốn nuốt trọn vương quốc Champa vào thời điểm đó.

Vào năm 1692, vua Champa là Po Saut mà các văn bản Việt Nam gọi là Bà Tranh xua quân tấn công tỉnh Diên Khánh (Kauthra). Biến cố này đã giúp cho Nguyễn

Lịch sử

Phước Chu có lý do chính đáng để xóa bỏ Champa trên bản đồ, vì chúa Nguyễn có đủ thế lực để làm điều đó và nhất là từ khi xứ Việt đã bị phân chia thành hai miền nam bắc, nhà Nguyễn có sẵn trong tay một đoàn quân đông đảo và hùng mạnh trong khi đó Champa nằm trong vị trí địa dư hoàn toàn bất lợi cho mình. Năm 1692, Nguyễn Phước Chu tiến quân đánh chiếm Parik (Phan Rí), tức là thủ đô của Champa kể từ năm 1653, bắt sống vua Po Saut. Sau ngày thắng trận, nhà Nguyễn cải tên danh xưng vương quốc Chiêm Thành (Champa) thành Trấn Thuận Thành, giao cho ba vị tướng người Việt chỉ huy đội quân viễn chinh của Phú Xuân nắm quyền cai trị của ba vùng, đó là vùng Panrang đổi tên thành Phan Rang, Parik thành Phan Rí và Pajai thành Phố Hải. Một năm sau, tức là năm 1693, nhà Nguyễn sát nhập lãnh thổ Champa vào phủ Bình Thuận, vừa mới thành lập trên lãnh thổ của vương quốc này.

Vì không chấp nhận chính sách xâm lược của nhà Nguyễn và làm tội tở cho dân tộc Kinh thường hay khinh miệt dân tộc bản địa, một số đông người Chăm phải chấp rời bỏ quê hương ra đi giống như trường hợp của biển cố đã xảy ra vào năm 1471. Nhưng lần này, họ chạy sang Campuchia lánh nạn. Theo biên niên sử Campuchia, có khoảng 5 000 gia đình người Chăm dưới sự hướng dẫn của các quan chức cao cấp thuộc triều đình Champa đã vượt dãy Trường Sơn đến Campuchia vào năm 1692-1693. Vua Campuchia là Jayajetta III cũng là nạn nhân của chính

Vương quốc Champa

sách đế quốc xâm lược Việt Nam đã đón tiếp họ một cách niềm nở và ban cấp cho họ đất đai xung quanh thủ đô hay tại các tỉnh khác để họ sinh sống (Mak Phoeun, *Histoire du Cambodge de la fin du XVI siècle au début du XVIII siècle*, Paris, Presses de l'EFEO, Monographie 176, 1995, trg. 397-398).

Trong thời gian đó, Nguyễn Phước Chu đưa hoàng tử Po Saktiraydapatih (Kế Bà Tử của tài liệu Việt Nam), tức là người em trai của cố vương Po Saut lên nắm quyền điều hành dân chúng Champa trong phủ Bình Thuận, với niềm hy vọng rằng người dân hiếu động của Panduranga chấp nhận qui chế mới của xứ sở họ. Theo biên niên sử Việt Nam, chiến lược của Nguyễn Phước Chu chẳng đem lại hiệu quả gì, vì dân tộc Champa thời đó không bao giờ chấp nhận chính sách xâm lược của nhà Nguyễn. Cuộc chống đối của nhân dân Champa kể từ năm 1693 đã nhanh chóng trở thành một cuộc nổi dậy đấu tranh vũ trang chống lại quân đội xâm lược của nhà Nguyễn và bài trừ người Kinh định cư trên lãnh thổ Champa thường hay tiếp tay cho nhà Nguyễn. Sức mạnh của sự vùng dậy này đã làm cho triều đình Phú Xuân ngạc nhiên và buộc nhà Nguyễn phải thoái lui một bước. Năm 1694, Phú Xuân chấp thuận hủy bỏ chính sách xâm chiếm Champa và tái lập lại nền độc lập của vương quốc này, nhưng vẫn duy trì tên gọi Champa là Trấn Thuận Thành (tạm gọi là Champa-Panduranga) mà Phú Xuân đã đặt cho nó lần đầu

tiên vào năm 1692 và thay tên danh xưng quốc vương Champa thành Trấn Vương Thuận Thành.

Po Saktiraydapatih (Kế Bà Tử) là người đầu tiên mà triều đình Huế đã phong cho chức vụ để cai trị vương quốc Champa vào năm 1694. Ông là người duy nhất có quyền thu thuế trên dân cư champa và tuyển chọn quan lại để điều hành vương quốc dưới danh nghĩa là một quốc gia chư hầu, phải triều cống nhà Nguyễn hằng năm (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên* I, Bản dịch quốc ngữ, Hanoi, 1962, trg. 147-151). Ba năm sau, tức năm 1697, triều đình Phú Xuân tìm cách gỡ gạc phần nào sự thất bại của mình để rồi nuốt trọn vương quốc Champa. Để tiến đến mục tiêu, Phú Xuân thành lập trên lãnh thổ Champa một Phủ Bình Thuận có qui chế rất là đặc biệt. Qui chế của Phủ Bình Thuận ra đời vào năm 1697 không liên hệ gì với qui chế của Phủ Bình Thuận hình thành vào năm 1693 như một số chuyên gia về Việt Nam thường hiểu lầm. Phủ Bình Thuận này tập trung tất cả thôn xóm người Kinh nằm trong khu vực Hàm Thuận nơi dùng làm trụ sở hành chánh của Phủ, cũng như tất cả thôn xóm người Kinh thuộc khu vực Hòa Đa (Phan Rí) và An Phước (Phan Rang), sau này trở thành hai huyện Hòa Đa và An Phước. Sau đó, Nguyễn Phước Chu cho sát nhập tất cả các làng ấp người Kinh cũng như đất đai của họ vào đơn vị chính trị và hành chánh của phủ Bình Thuận. Kể từ lúc đó, các dân cư người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Champa không còn là công dân ngoại

Vương quốc Champa

kiều đặt dưới quyền kiểm soát của Champa nữa mà là thân dân của nhà Nguyễn. Trước biến cố này, vua Po Saktiraydapatih (Kế Bà Tử) không dám phản đối và cũng không nói được lời nào. Sự hiện diện của các thôn ấp và đất đai của người Kinh nằm khắp nơi trên lãnh thổ Champa thời đó đã biến vương quốc này trở thành một quốc gia có biên giới hình trái độn, tập trung nhiều khu vực có thôn xóm người Kinh đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của triều đình Phú Xuân. Hơn nữa, Nguyễn Phước Chu đã quyết định rằng tất cả làng xã và đất đai thuộc về người Kinh phải trực thuộc vào phủ Bình Thuận nhằm giúp nhà Nguyễn nắm trọn trong tay một lực lượng địa phương rất là hữu hiệu để nuốt trọn vương quốc Champa lúc nào cũng được mà không cần can thiệp trực tiếp. Lực lượng này chính là dân cư người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Champa thời đó. Nhà Nguyễn bắt đầu áp dụng chiến lược này bằng cách khuyến khích dân cư người Kinh đến Champa định cư càng nhiều càng tốt.

Tình hình vào thế kỷ XVIII

Trong suốt 60 năm đầu tiên của thế kỷ XVIII, người ta không biết nhiều về tình hình chính trị đã xảy ra trong vương quốc Champa-Pandurang. Ngược lại, các tài liệu viết bằng tiếng Chăm và một vài đoạn nằm trong biên niên sử Việt Nam thường nêu ra hàng loạt các cuộc xung